TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11/06/2026
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hưng Bính.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Thiện Nguyên.

+ Bà Nguyễn Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quang Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số A T, phường T, thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Lê Thị Mỷ P. Trú tại: Thôn V, xã P, huyện P, thành phố H (Nay là Thôn V, phường P, thành phố H). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ. Trú tại: D D, M, Q, H3S 1V5, Canada. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Nguyên đơn chị Lê Thị Mỷ P trình bày như sau:

Chị Lê Thị Mỷ P và anh Nguyễn Văn Đ quen biết nhau vào năm 2003. Năm 2006, anh Nguyễn Văn Đ về việt N, chị P và anh Đ quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là UBND thành phố H) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/07/2006. Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Văn Đ ở lại Việt Nam khoảng 02 tháng rồi trở về Canada sinh sống và làm việc. Anh Đ có thực hiện thủ tục bảo lãnh cho chị P sang Canada để đoàn tụ gia đình nhưng hồ sơ bảo lãnh không được chấp nhận nên từ năm 2010 đến nay anh Đ không về lại Việt Nam và cũng không giữ liên lạc với chị. Chị P nhận thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn do vợ chồng ở xa không có điều kiện gần gũi, quan tâm,

chăm sóc cho nhau, khả năng đoàn tụ là rất khó nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỷ P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; Công văn yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ trả lời một số vấn đề cần thiết liên quan đến việc chị P xin ly hôn với anh. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/04/2026 Tòa án nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Nguyễn Văn Đ có xác nhận của Đ1 tại Canada, có nội dung: Anh Đ đã nhận được các tài liệu liên quan đến vụ án ly hôn được gửi từ Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thừa Thiên Huế (Nay là Toà án nhân dân thành phố Huế). Anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị P. Anh và chị P không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án phân xử các vấn đề này. Vì bận công việc và không thể đến Việt Nam để tham tố tụng nên anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên hoà giải và xét xử ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cho chị Lê Thị Mỷ P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn Đ định cư ở Canada, có đơn xin xét xử vắng mặt, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã thể hiện được ý chí của anh Nguyễn Văn Đ về việc giải quyết vụ án. Chị Lê Thị Mỷ P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ và chị Lê Thị Mỷ P theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỷ P và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là UBND thành phố H) ngày 06/07/2006, phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau khoảng 02 tháng tại nhà của chị P thì anh Đ trở về Canada sinh sống cho đến nay. Xét thấy, hiện nay chị P và anh Đ mỗi người sống một nơi, không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm phai nhạt, đời sống chung thực tế không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho Chị

Lê Thị Mỷ P được ly hôn với Anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Mỷ P và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỷ P và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỷ P phải chịu 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Lê Thị Mỷ P được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỷ P và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Mỷ P và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỷ P phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số: 0000005 ngày 15/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế).

Chị Lê Thị Mỷ P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tòa DS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hưng Bính